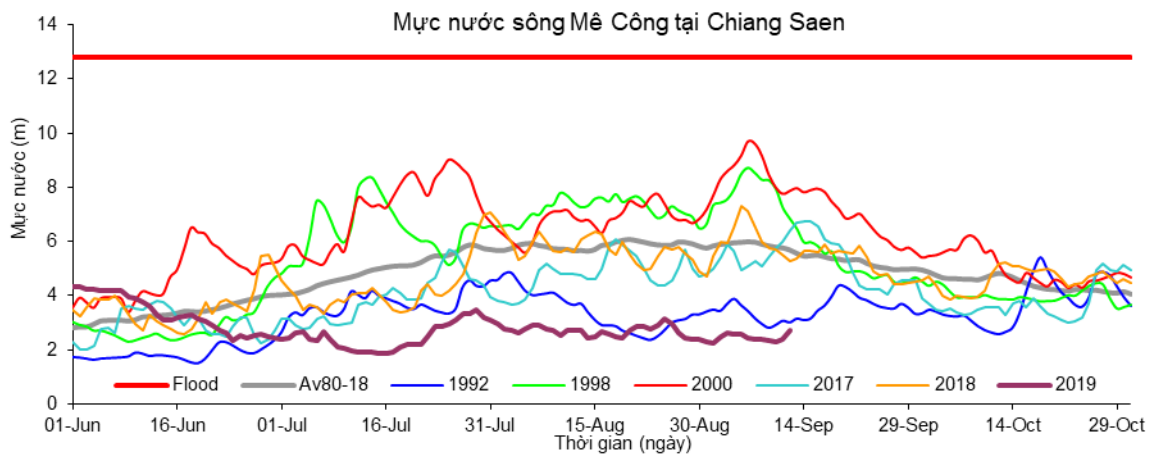


Thành phố HCM, ngày 12 tháng 9 năm 2019

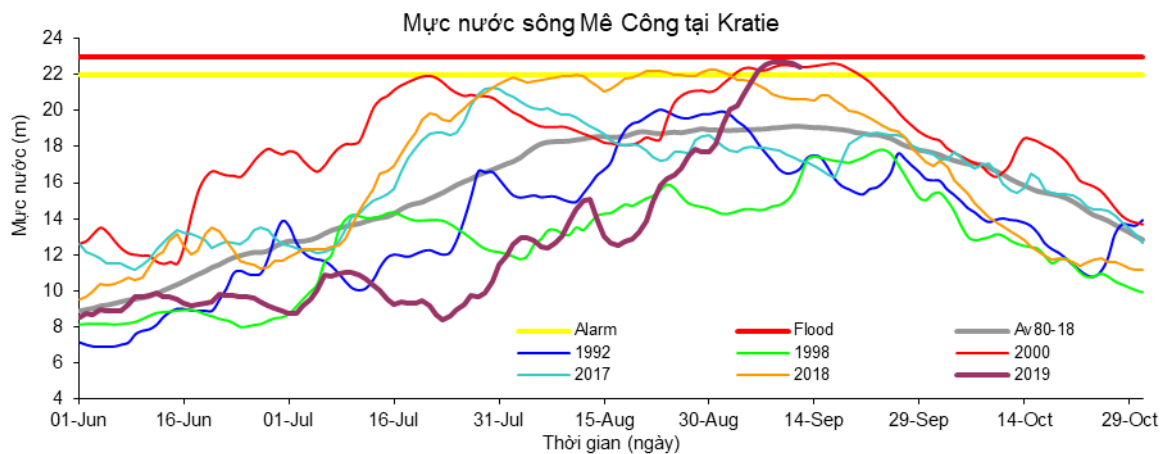
BẢN TIN

DỰ BÁO Lũ THƯỢNG NGUỒN VÀ NHẬN ĐỊNH NGUỒN NƯỚC, XÂM NHẬP MẶN MÙA KHÔ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NĂM 2019-2020 PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT

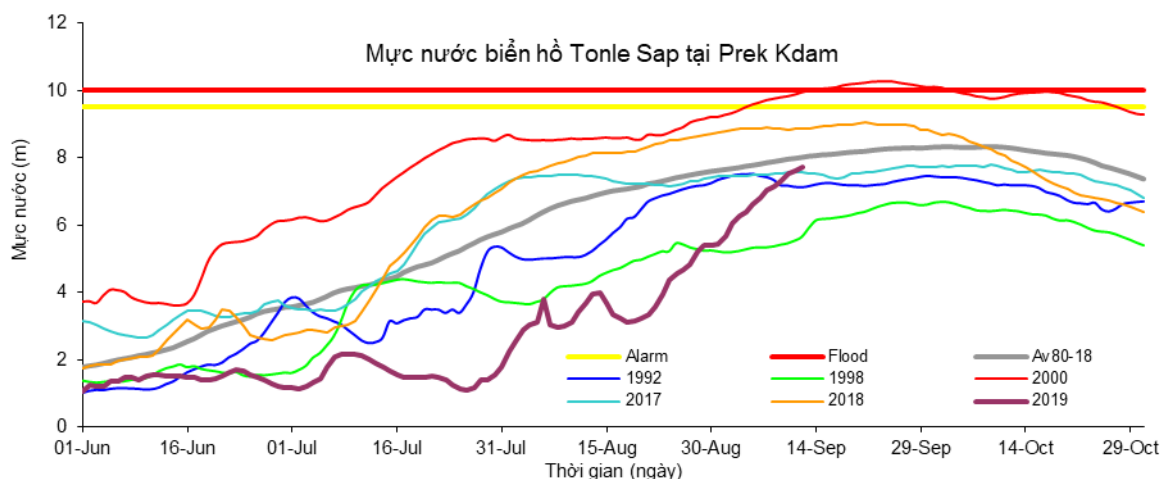
1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC TRÊN DÒNG CHÍNH MÊ CÔNG



Hình 1: Diễn biến nước về từ Trung Quốc qua Chiang Saen, cập nhật ngày 12/9



Hình 2: Diễn biến nước về qua trạm Kratie, cập nhật ngày 12/9



Hình 3: Diễn biến nước trạm Prek Kdam, Biển hồ, cập nhật ngày 12/9/2019

Bảng 1: Lũy tích mưa các trạm đến 12/9/2019 và so với một số năm liên quan

| TT | Trạm | Quốc gia | Lũy tích mưa đến hiện nay | Lũy tích mưa hết Tháng 9. 2015 (năm hạn) | Thiếu hụt mưa hiện nay đến hết mùa mưa so với một số năm điển hình (dấu – là mưa nhiều hơn) | | |
|----|---------------|----------|---------------------------|--|--|-----------------|-----------------|
| | | | | | so với năm Trung bình | so với năm 2015 | so với năm 2016 |
| 1 | Chiang Saen | Thái | 850 | 1027 | 1,057 | 242 | 783 |
| 2 | Luang Prabang | Lào | 740 | 987 | 507 | 348 | 690 |
| 3 | Chiang khan | Lào | 825 | 871 | 443 | 167 | 478 |
| 4 | Vientiane | Lào | 1669 | 1404 | -51 | -197 | -22 |
| 5 | Nong Khai | Thái | 1257 | 1310 | 326 | 163 | 220 |
| 6 | Paksane | Lào | 2251 | 2906 | 700 | 1003 | 361 |
| 7 | Nakhon Phanom | Thái | 2129 | 1590 | 139 | -476 | 165 |
| 8 | Thakhek | Lào | 2013 | 2139 | -103 | 233 | -19 |
| 9 | Mukdahan | Lào | 1738 | 919 | -261 | -717 | -428 |
| 10 | Savanakhet | Lào | 1190 | 879 | 227 | -195 | -57 |
| 11 | Khong Chiam | Thái | 1978 | 1139 | -55 | 296 | -148 |
| 12 | Pakse | Lào | 1246 | 1280 | 776 | 190 | 97 |
| 13 | Stung Treng | Cam | 1168 | 1059 | 727 | 108 | 794 |
| 14 | Kratie | Cam | 1135 | 697 | 515 | -185 | 249 |
| 15 | Kampong Cham | Cam | 760 | 1003 | 568 | 481 | 426 |
| 16 | Phnom Penh | Cam | 571 | 777 | 645 | 311 | 788 |
| 17 | Koh Khel | Cam | 427 | 772 | | 590 | 1212 |
| 18 | Neak luong | Cam | 527 | 607 | | 312 | 1197 |
| 19 | Prek Dam | Cam | 734 | 643 | | 120 | 384 |
| 20 | Tan Chau | VN | 599 | 575 | 562 | 103 | 431 |
| 21 | Chau Doc | VN | 649 | 585 | 450 | 106 | 597 |

Bảng 2: Nguồn nước sông Mê Công đến hiện nay so với một số năm liên quan

| | Thông tin cập nhật | Đơn vị | Năm 2019 | Đặc trưng năm liên quan so với năm 2019 | | | | |
|---------|---|-------------------|----------|---|--------|------------|--------|--------|
| | | | | 2018 | 2017 | TB 80-2018 | 2015 | 1992 |
| Kratie | Mức nước hiện tại và cùng thời điểm các năm trước | m | 17.73 | 20.63 | 17.24 | 19.10 | 16.92 | 16.80 |
| | Chênh lệch so với năm 2019 | m | | 2.90 | -0.49 | 1.37 | -0.81 | -0.93 |
| | Lưu lượng Qlũ hiện tại | m ³ /s | 28.583 | 42.031 | 26.772 | 34.272 | 25.645 | 25.233 |
| | Chênh lệch Qlũ so với năm 2019 | m ³ /s | | 13448 | -1811 | 5689 | -2938 | -3350 |
| | Tổng lượng Wlũ cùng thời điểm đến hiện tại | Tỷ m ³ | 115,4 | 275,8 | 222,2 | 191,1 | 127,0 | 157,1 |
| | Khác biệt Wlũ cùng thời điểm so với 2019 | Tỷ m ³ | | 160,4 | 106,8 | 75,6 | 11,5 | 41,6 |
| | Wlũ đến hết tháng 9 | Tỷ m ³ | | 338,5 | 267,4 | 242,0 | 162,1 | 198,5 |
| | Khác biệt Wlũ hết tháng 9 so với hiện tại 2019 | Tỷ m ³ | | 223,0 | 152,0 | 126,5 | 46,7 | 83,1 |
| Biển hồ | Biển hồ | | 2019 | 2018 | 2017 | TB 00-18 | 2015 | 2004 |
| | Mức nước Prekdam hiện tại và cùng thời điểm các năm trước | m | 5,4 | 8,9 | 7,6 | 8,0 | 5,8 | 7,1 |
| | Dung tích hồ | Tỷ m ³ | 18,31 | 42,36 | 34,85 | 32,99 | 13,20 | 34,46 |
| | Khác biệt so với cùng kỳ | Tỷ m ³ | | 24 | 17 | 15 | -5 | 16 |

2. DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC MÙA LŨ VỀ ĐỒNG BẰNG

Theo dự báo của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia, duy trì trạng thái El Nino yếu từ nay đến khoảng tháng 11 năm 2019 với xác suất khoảng 50-55%, nhiệt độ trung bình ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn từ 0,5 đến 1,0 độ C so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Khu vực Nam Bộ, tổng lượng mưa tháng 9 thấp hơn TBNN cùng thời kỳ từ 10-30%. Về chế độ thủy văn, từ cuối tháng 7-10/2019, tổng lượng dòng chảy trên các trạm thượng nguồn Mê Kông ở mức thấp hơn so với TBNN từ 20-30%.

Cập nhật phân tích dự báo dòng chảy mùa lũ 2019, diễn biến mưa trên lưu vực cùng với các tác động do điều tiết thủy điện trên lưu vực, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam dự báo năm 2019 lũ rất nhỏ, mực nước lũ lớn nhất tại Tân Châu theo khả năng thấp, chỉ ở mức 3,0-3,5m. Dự báo lũ có thể đạt đỉnh sớm vào 17-19/9 với mức lũ vào khoảng 3,3m tại Tân Châu và 2,8m tại Châu Đốc. Vùng trung tâm đồng bằng, đỉnh lũ lớn nhất xuất hiện 29/9 đến 1/10.

3. NHẬN ĐỊNH NGUỒN NƯỚC, XÂM NHẬP MẶN MÙA KHÔ 2019-2020 VÀ KIẾN NGHỊ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT :

3.1. Dự báo nguồn nước và xâm nhập mặn

Nhận định nguồn nước mùa khô 2019-2020 sẽ ít thuận lợi, nguy cơ mặn xuất hiện sớm và hạn hán thiếu nước có thể xảy ra, dự báo xâm nhập mặn theo các cửa sông như Bảng 3, cụ thể

Bảng 3: Dự báo xâm nhập mặn lớn nhất ở các cửa sông 2020 so với các năm

| Cửa sông | $L_{mặn}$ dự báo / 2019/2015 (Km) |
|--------------|-----------------------------------|
| Vàm Cỏ Đông | 78/60/95 |
| Vàm Cỏ Tây | 76/58/92 |
| Cửa Tiểu | 46/34/48 |
| Cửa Đại | 48/40/51 |
| Hàm Luông | 52/43/60 |
| Cổ Chiên | 55/65/68 |
| Sông Hậu | 50/45/60 |
| Sông Cái Lớn | 52/35/62 |

- Mặn mùa khô 2019-2020 có khả năng xuất hiện sớm so với năm 2018-2019 khoảng 10-30 ngày, và sớm hơn so với trung bình nhiều năm khoảng 1-2 tháng (tùy vùng).
- Từ tháng 12/2019 mặn có khả năng ảnh hưởng các công lấy nước phạm vi cách biển đến 30-35km. Sang tháng 1 và tháng 2, ranh mặn 4g/l có khả năng lấn sâu vào nội địa 45-55km (tùy cửa sông).
- Các ngày trường cường, gió chướng mạnh xâm nhập mặn có thể tăng đột biến so với dự báo nhưng ở thời đoạn ngắn.

3.2. Vùng có khả năng bị ảnh hưởng bởi mặn, hạn vụ Đông Xuân

Với dự báo nguồn nước thấp và xâm nhập mặn đến sớm mùa khô 2020, một số vùng có nguy cơ ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn như Bảng 4.

Bảng 4: Một số khu vực có nguy cơ ảnh hưởng bởi mặn năm 2020

| TT | Tỉnh | Huyện | Nguy cơ (ha) |
|--------------------------------|------------|--------------|----------------|
| 1 | Tiền Giang | Gò Công Đông | 10.327 |
| | | Gò Công Tây | 9.546 |
| | | Tân Phú Đông | 300 |
| | | Tổng | 20.173 |
| 2 | Bến Tre | Ba Tri | 10.000 |
| | | Giồng Trôm | 1.910 |
| | | Thạnh Phú | 52 |
| | | Tổng | 11.962 |
| 3 | Trà Vinh | Trà Cú | 12.774 |
| | | Châu Thành | 12.344 |
| | | Cầu Ngang | 6.749 |
| | | Tổng | 31.867 |
| 4 | Sóc Trăng | Long Phú | 27.092 |
| | | Trần Đề | 22.667 |
| | | Tổng | 49.759 |
| 5 | Bạc Liêu | Vĩnh Lợi | 2.581 |
| | | Phước Long | 12.500 |
| | | Tổng | 15.081 |
| Diện tích lúa Đông Xuân | | | 128.841 |
| Lúa trên nền đất tôm | | | 150.000 |

3.3. Khuyến nghị chỉ đạo cấp nước và điều hành sản xuất

Với dự báo lũ nhỏ ở 2019 và nhận định nguồn nước mùa khô 2019-2020 sẽ ít thuận lợi, nguy cơ mặn xuất hiện sớm và hạn hán thiếu nước có thể xảy ra, vì vậy Kiến nghị Tổng cục Thủy lợi:

Xem xét ban hành văn bản chỉ đạo ngành Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, nhất là tỉnh ven biển: xây dựng kế hoạch, chuẩn bị phương án ứng phó phòng chống hạn mặn; tuyên truyền về tình hình nguồn nước, xâm nhập mặn tới người dân; vận động nhân dân phối hợp với các đơn vị quản lý, khai thác công trình tranh thủ lấy, trữ nước.

Khuyến cáo các vùng cách biển đến 30km, nếu xuống giống từ giữa tháng 12/2019 mà không có giải pháp công trình chủ động tiếp nguồn thì nguy cơ xảy ra hạn cao, cần thận trọng xuống giống vụ Đông Xuân.

Tiếp tục tăng cường công tác giám sát, dự báo để cập nhật kịp thời về diễn biến thủy văn, nguồn nước, xâm nhập mặn ở các Viện.

Khiến nghị các địa phương cần có kế hoạch chủ động sản xuất trong mùa mưa lũ và mùa kiệt sắp tới, cụ thể:

Về quản lý nước và chỉ đạo sản xuất vụ Hè Thu và Thu Đông: diện tích Thu Đông có thể gia tăng ở những vùng được bảo vệ để bù vào diện tích có thể giảm do hạn mặn ở năm tới. Vận hành hệ thống công trình hợp lý với điều kiện lũ nhỏ, chủ động ứng phó với trường hợp lũ thấp nên sâu bệnh và chuột hại có thể xảy ra do đồng ruộng không được cải thiện môi trường.

Về quản lý nước và chỉ đạo sản xuất vụ Đông Xuân năm 2019-2020: nguy cơ hạn mặn cao ở mùa khô 2019-2020, vì vậy cần chuẩn bị trước các kế hoạch ứng phó mặn xuất hiện sớm đầu mùa khô (ngay từ tháng 12/2019-1/2020) và nghiêm trọng vào tháng 2 đến đầu tháng 3/2020; bố trí sản xuất sớm các vụ Thu Đông, Mùa và Đông Xuân ở những vùng có nguy cơ rủi ro cao. Viện sẽ liên tục cập nhật các bản tin sau khi các dự báo mùa khô xác thực hơn vào cuối tháng 10.

Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 12/9/2019